



HAI VU CONSTRUCTION JSC



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI

HẢI VŨ

Chế tạo Kết cấu thép - Sản xuất Nhập khẩu Thiết bị giao thông  
Thiết kế Thi công Xây dựng Nội thất

VPGD : Số 251 Phố Vọng - Phường Tương Mai- TP Hà Nội  
Tel: 84-24-36288654 - 38696249 Fax: 84-24-36282844  
Email: xdhaivu@gmail.com Website: www.ketcauthexaydunghaivu.com.vn ; https://holanmem.net

Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2025

## BẢN CÔNG BỐ BÁO GIÁ

SẢN PHẨM ATGT CHO ĐƯỜNG CAO TỐC

Số: 0916-3/BG-CT/2025/HV-GT

|                                          |                  |             |        |
|------------------------------------------|------------------|-------------|--------|
| Người gửi:                               | Đỗ Cao Khang     | Người nhận: | Mr/Mrs |
|                                          | Phòng kinh doanh | Dự án:      |        |
| Tel: 024.36288654/ 38696249              |                  | Tel:        | Email: |
| Fax: 024.36282844. Hotline: 098 919 7535 |                  | ĐC:         |        |

**Kính gửi :** QUÝ KHÁCH HÀNG BẢN BÁO GIÁ SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI.

| TT  | TÊN SẢN PHẨM                                                  | ĐƠN VỊ                                                              | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ (VNĐ) | THÀNH TIỀN / GHI CHÚ                                                                                                                                           |
|-----|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I.1 | HỘ LAN MỀM - 3 SÓNG -BƯỚC CỘT 3M<br>(Tính với đơn vị ≈1.000m) | M                                                                   | 1.003,4  | 1.020.000     | 1.023.455.199                                                                                                                                                  |
| 1.1 | Tấm sóng 6.330x 460x 3,2mm                                    | Tấm                                                                 | 167      | 2.552.097     | 426.200.132                                                                                                                                                    |
| 1.2 | Tấm sóng đầu, cuối 865x 460x 3,2mm                            |                                                                     | 2        | 547.975       | 1.095.949                                                                                                                                                      |
| 2.1 | Cột ống thép D141,3 x 4,5 x 2.500mm                           | Chiếc                                                               | 335      | 1.012.014     | 339.024.741                                                                                                                                                    |
| 2.2 | Nắp cột thép D142x 2mm                                        |                                                                     | 335      | 15.513        | 5.196.864                                                                                                                                                      |
| 2.3 | Cột chống -Ống D126,8x 4,3x 700mm                             |                                                                     | 335      | 254.332       | 85.201.149                                                                                                                                                     |
| 3   | Tấm thép dẽm W 624 x 398 x 4,3mm                              |                                                                     | 335      | 408.453       | 136.831.755                                                                                                                                                    |
| 4.1 | Bulong M16x33                                                 | Bộ                                                                  | 2.016    | 4.365         | 8.798.918                                                                                                                                                      |
| 4.2 | Bulong M18x40                                                 |                                                                     | 1.340    | 6.123         | 8.204.617                                                                                                                                                      |
| 4.3 | Bulong M19x180                                                |                                                                     | 670      | 19.255        | 12.901.074                                                                                                                                                     |
| I.2 | HỘ LAN MỀM - 2 SÓNG -BƯỚC CỘT 3M<br>(Tính với đơn vị ≈1.000m) | M                                                                   | 1.003,4  | 726.000       | 728.198.213                                                                                                                                                    |
| 1.1 | Tấm sóng 6.320x 310x 4mm                                      | Tấm                                                                 | 167      | 2.338.305     | 390.496.913                                                                                                                                                    |
| 1.2 | Tấm sóng đầu, cuối R-140 -610x 310x 4mm                       |                                                                     | 2        | 568.114       | 1.136.228                                                                                                                                                      |
| 2.1 | Cột ống thép D141,3 x 4,5 x 2.150mm                           | Chiếc                                                               | 335      | 776.456       | 260.112.822                                                                                                                                                    |
| 2.2 | Nắp cột thép D142x 2mm                                        |                                                                     | 335      | 15.513        | 5.196.864                                                                                                                                                      |
| 3   | Giá đỡ -Block lục giác 96x 178x 200x 4,5mm                    |                                                                     | 335      | 140.161       | 46.953.921                                                                                                                                                     |
| 4   | Tiêu quạt phản quang 120 (50)x 75x 3mm (Film 3M-3900)         |                                                                     | 335      | 29.653        | 9.933.827                                                                                                                                                      |
| 5.1 | Bulong M16x33                                                 | Bộ                                                                  | 1.344    | 4.365         | 5.865.945                                                                                                                                                      |
| 5.2 | Bulong M18x40                                                 |                                                                     | 335      | 6.123         | 2.051.154                                                                                                                                                      |
| 5.3 | Bulong M19x180                                                |                                                                     | 335      | 19.255        | 6.450.537                                                                                                                                                      |
| II  | DẢI PHÂN CÁCH DI ĐỘNG = TÔN SÓNG<br>(Tính với 01 modul 3m )   | M                                                                   | 3        | 3.489.000     | 10.468.084                                                                                                                                                     |
| 1.1 | Tấm sóng 2.330 x 310x 4mm                                     | Tấm                                                                 | 4        | 862.065       | 3.448.260                                                                                                                                                      |
| 1.2 | Tấm đầu, tấm cuối U-D350-L=1.750mm                            |                                                                     | 4        | 615.586       | 2.462.344                                                                                                                                                      |
| 2.1 | Cột thép D141,3 x 4,5 x 2.675mm +Bịt nắp mũ D150x2mm          | Chiếc                                                               | 2        | 1.148.553     | 2.297.105                                                                                                                                                      |
| 2.2 | Ống ngầm D168,3x 4,5x 1.400mm                                 |                                                                     | 2        | 706.652       | 1.413.303                                                                                                                                                      |
| 2.3 | Mũ chân cột dạng côn d142-D250x 80 -đ10mm                     |                                                                     | 2        | 317.305       | 634.610                                                                                                                                                        |
| 4.1 | Bulong M16x32                                                 | Bộ                                                                  | 32       | 4.238         | 135.627                                                                                                                                                        |
| 4.2 | Bulong M20x165                                                |                                                                     | 4        | 19.209        | 76.835                                                                                                                                                         |
| III | BIỂN BÁO HIỆU GIAO THÔNG                                      | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT |          |               |                                                                                                                                                                |
| 1   | Biển báo hiệu hình tam giác cạnh A=1.260mm                    | Biển                                                                | 1        | 2.745.990     | Thép mặt biển dày 2 mm. Nẹp tăng cứng bằng thép 84mm or thép 30x 60x 2 mm.<br>SP sử dụng vật liệu Mạ kẽm và MPQ 3M-4000 loại XI theo tiêu chuẩn TCVN 7887-2018 |
| 2   | Biển báo hiệu hình tròn D=1.260mm                             |                                                                     |          | 4.342.056     |                                                                                                                                                                |
| 3   | Tiêu phản quang dạng mũi tên. IE.469 - KT: 300 x 500mm        |                                                                     |          | 496.476       |                                                                                                                                                                |

|     |                                                                                                                                                                                                         |                                      |       |        |             |                                                                                                                                                                             |                                                                                         |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------|--------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.1 | <div>Biển báo hiệu hình chữ nhật</div>                                                                                                                                                                  | KT: <b>1.700 x 7.100</b> mm. IE.471  | Biển  | 1      | 50.699.387  | Mặt biển thép dày 2 mm. Khung biển thép hộp <b>100 x50 x 3,2</b> mm . SP sử dụng Vật liệu <b>Mạ kẽm</b> và <b>MPQ 3M-4000</b> loại <b>XI</b> theo tiêu chuẩn TCVN 7887-2018 |                                                                                         |
| 4.2 |                                                                                                                                                                                                         | KT: <b>1.720 x 4.020</b> mm. IE473   |       |        | 28.143.338  |                                                                                                                                                                             |                                                                                         |
| 4.3 |                                                                                                                                                                                                         | KT: <b>1.440 x 1.990</b> mm. IE470   |       |        | 15.219.215  |                                                                                                                                                                             |                                                                                         |
| 4.4 |                                                                                                                                                                                                         | KT: <b>3.980 x 2.820</b> mm. IE.467A |       |        | 43.293.563  |                                                                                                                                                                             |                                                                                         |
| 4.5 |                                                                                                                                                                                                         | KT: <b>5.030 x 2.820</b> mm. IE.467B |       |        | 53.121.399  |                                                                                                                                                                             |                                                                                         |
| 4.6 |                                                                                                                                                                                                         | KT: <b>3.010 x 2.560</b> mm. IE.474  |       |        | 29.828.236  |                                                                                                                                                                             |                                                                                         |
| 5   | Cột treo biển báo <b>D88,3</b> mm                                                                                                                                                                       |                                      | M     | 1      | 314.404     | Thép ống <b>D88,3 x 3</b> mm+ <b>MPQ3M-3400</b> trắng, đỏ                                                                                                                   |                                                                                         |
| 6.1 | Cột <b>H=9,608</b> m (D457,2 x 16mm) +02 tay vịn -L1 =L2 = <b>6,609</b> m (D267,4 x 9,3mm) -Chi tiết bản liên kết, gán tăng cứng...theo thiết kế - Bao gồm khung bulong móng <b>16M30 -L1.150</b>       |                                      | Bộ    | 1      | 121.852.550 | Sản phẩm <b>mạ kẽm nhúng nóng</b> . Tiêu chuẩn <b>ASTM A123</b>                                                                                                             |                                                                                         |
| 6.2 | Cột <b>H=6,764</b> m (D267,4 x 8mm) +02 tay vịn -L1 =L2 = <b>4,586</b> m (D165,2 x 4,5mm) -Chi tiết bản liên kết, gán tăng cứng...theo thiết kế - Bao gồm khung bulong móng <b>6M29 -L.800</b>          |                                      |       |        | 31.694.772  |                                                                                                                                                                             |                                                                                         |
| 6.3 | Cột <b>H=4,946</b> m (D216,3 x 8mm) +01 tay vịn -L = <b>3,030</b> m (D101,6 x 5mm -R-1.000 H=1.528) -Chi tiết bản liên kết, gán tăng cứng...theo thiết kế -Bao gồm khung bulong móng <b>4M25 -L.600</b> |                                      |       |        | 11.096.958  |                                                                                                                                                                             |                                                                                         |
| IV  | LUỚI RÀO B40<br>(Tinh với đơn vị ≈1.000m)                                                                                                                                                               |                                      | M     | 999    | 703.000     | 702.590.928                                                                                                                                                                 |                                                                                         |
| 1.1 | Cột chịu lực ống thép: <b>D60x 1.600x 3</b> mm. Cắt vát đầu & chi tiết tấm bản thép liên kết cột theo thiết kế                                                                                          |                                      | Chiếc | 334    | 275.109     | 91.886.413                                                                                                                                                                  | Sản phẩm sản xuất theo thiết kế. <b>Mạ kẽm nhúng nóng</b> . Tiêu chuẩn <b>ASTM A123</b> |
| 1.2 | Cột ống thép: <b>D60x 1.450x 3</b> mm. Bịt đầu mũ chỏm cầu. Chi tiết bản thép đế cột & tai liên kết khung lưới theo thiết kế                                                                            |                                      |       | 334    | 277.003     | 92.518.925                                                                                                                                                                  |                                                                                         |
| 2   | Tấm lưới rào <b>B40</b> . KT: <b>2.730x 1.500</b> mm. Khung thép ống <b>D50x3</b> mm. Lưới thép <b>Φ4</b> mm, mắt lưới: <b>63x 63</b> mm. Chi tiết tai khung theo thiết kế.                             |                                      | Tấm   | 333    | 1.532.241   | 510.236.112                                                                                                                                                                 |                                                                                         |
| 3.1 | Bulong M12x 50mm                                                                                                                                                                                        |                                      | Bộ    | 1.336  | 3.574       | 4.775.405                                                                                                                                                                   |                                                                                         |
| 3.2 | Bulong M12x 20mm                                                                                                                                                                                        |                                      |       | 1.332  | 2.383       | 3.174.072                                                                                                                                                                   |                                                                                         |
| V   | LUỚI RÀO DÂY THÉP GAI<br>(Tinh với đơn vị ≈1.000m)                                                                                                                                                      |                                      | M     | 999    | 249.000     | 248.364.569                                                                                                                                                                 |                                                                                         |
| 1.1 | Cột chịu lực ống thép: <b>D60x 1.600x 3</b> mm. Cắt vát đầu & chi tiết tấm bản thép liên kết cột theo thiết kế                                                                                          |                                      | Chiếc | 334    | 275.109     | 91.886.413                                                                                                                                                                  | Sản phẩm sản xuất theo thiết kế. <b>Mạ kẽm nhúng nóng</b> . Tiêu chuẩn <b>ASTM A123</b> |
| 1.2 | Cột ống thép: <b>D60x 1.650x 3</b> mm. Bịt đầu mũ chỏm cầu. Chi tiết bản thép đế cột & 12 móc thép D8 -L120, theo thiết kế                                                                              |                                      |       | 334    | 330.980     | 110.547.241                                                                                                                                                                 |                                                                                         |
| 2   | Dây thép gai <b>2x 2,5</b> mm                                                                                                                                                                           |                                      | m     | 11.319 | 3.636       | 41.155.510                                                                                                                                                                  |                                                                                         |
| 3   | Bulong M12x 50mm                                                                                                                                                                                        |                                      | Bộ    | 1.336  | 3.574       | 4.775.405                                                                                                                                                                   |                                                                                         |
|     |                                                                                                                                                                                                         |                                      |       |        |             |                                                                                                                                                                             |                                                                                         |

### XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG